TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25-5-2020
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Ngoan**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Đấu**;

Ông **Nguyễn Đắc Thắng**.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Lâm Hữu Nghĩa** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Từ Thị Kỳ** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Trà V**, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Trọng N, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Địa chỉ: Pháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai và đơn khởi kiện ngày 08/4/2019, nguyên đơn chị Nguyễn Trà V trình bày:

Anh chị chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Gg, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 22/3/2017. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp về quan điểm, lối sống, suy nghĩ, cũng như không có sự đồng cảm về mặt tinh thần. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể giải quyết được.

Vì mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị không có cuộc sống hạnh phúc và đang trong tình trạng hôn nhân trầm trọng, nên tôi làm đơn này xin

được ly hôn với Anh Bùi Trọng N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thảo V, sinh ngày 29/10/2014, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, chị rút lại yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Bùi Trọng N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị V.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, cho chị V được ly hôn với anh N, chị V được trực tiếp nuôi cháu Vy, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Trà V, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Trà V yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Trọng N và yêu cầu được nuôi con chung, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp "Xin ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Trà V hiện cư ngụ tại thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, bị đơn anh Bùi Trọng N (BUI TRONG N) có quốc tịch Pháp, hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Pháp. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Anh Bùi Trọng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]Về nội dung vụ án:

Theo chị V trình bày chị và anh N tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04 ngày 22/3/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh N được xem là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị V về việc yêu cầu được ly hôn với anh N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào lời khai của chị V thì chị và anh N chung sống từ năm 2014. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp về quan điểm, lối sống, suy nghĩ, cũng như không có sự đồng cảm về mặt tinh thần. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không giải quyết được. Do anh N hiện tại đang sống ở Pháp không quan tâm chăm sóc vợ con, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị V là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị V được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị V và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Thảo V, sinh ngày 29/10/2014 hiện đang sống chung với chị V, chị V yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu V và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu V sống với chị V từ nhỏ, để đảm bảo không xáo trộn cuộc sống bình thường của cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu xin được nuôi con của chị V, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]Về án phí: Chị Nguyễn Trà V phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 153, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 477; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Trà V.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Trà V được ly hôn với Anh Bùi Trọng N (BUI TRONG N).

- Về con chung: Chị Nguyễn Trà V được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thảo V, sinh ngày 29/10/2014, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Bùi Trọng N (BUI TRONG N) được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Trà V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 00882 ngày 11/4/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang. Chị V đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Trà V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Anh Bùi Trọng N (BUI TRONG N) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Văn Ngoan